TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-PT
Ngày 30 - 3 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Đặng Thị Phương Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 72/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1980 địa chỉ: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Hoàng Thị P (vợ Anh T); sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị P:* Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1980 địa chỉ: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định. Theo văn bản ủy quyền ngày 06-5-2021.

2. Bà Trần Thị P1; sinh năm 1953; Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H, bà Trần Thị P1, Anh T có mặt. Vắng mặt chị Hoàng Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-7-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị P1; năm 1999 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng 1.305m^2 đất trong đó 120m^2 đất 2 vụ lúa, 660m^2 đất vườn tạp, 265m^2 đất ao nuôi cá và 260m^2 đất ở lâu dài tại thửa số 48 tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Xóm 3, xã H1. Năm 2010 ông C, bà P1 tặng cho ông Phạm Văn Đ 463m^2 đất gồm 120m^2 đất 2 vụ lúa, 343m^2 đất vườn tạp trong tổng số 1.305m^2 của thửa đất nói trên.

Năm 2013 ông C chết không để lại di chúc, đến năm 2018 bà Trần Thị P1 là vợ ông C làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng 842m^2 đất đứng tên bà P1 thuộc thửa số 48 tờ bản đồ số 14 (sau đây viết tắt là thửa 48). Năm 2019 bà Trần Thị P1 chuyển nhượng lại toàn bộ 842m^2 thửa số 48 cho chị; ngày 13 tháng 8 năm 2019 chị được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không có nhu cầu sử dụng nên chị chuyển nhượng cho người khác, khi chị làm thủ tục chuyển nhượng thì Anh T làm đơn gửi UBND xã H1, huyện H tranh chấp quyền sử dụng thửa đất 48 với chị. Nay chị khởi kiện đề nghị Toà án huyện H giải quyết buộc Anh T phải trả lại 87m^2 đất Anh T đã xây nhà và đang sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H đồng ý tách cho Anh T được quyền sử dụng 87m^2 đất cóvị trí tại các điểm (3,4,5,6,7,8,3) tại thửa số 48 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị và không yêu cầu Anh T bồi thường vấn đề nào khác.

*Tại bản tự khai ngày 26-10-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T và là người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị P trình bày:

Anh là cháu ruột ông Nguyễn Văn C, năm 2010 khi ông C còn sống, ông C và bà Trần Thị P1 đã cho anh một suất đất nằm trên thửa đất mà vợ chồng ông C đang sử dụng, việc cho đất nói bằng miệng, không có văn bản.

Năm 2012 vợ chồng anh làm nhà trên một phần đất mà ông C cho, khi vợ chồng anh làm nhà, ông C còn sống và vợ chồng ông C đã nhất trí cho anh xây nhà không có ý kiến gì. Thời gian gần đây anh mới biết bà Trần Thị P1 đã tự ý sang tên đất của ông C, trong đó có cả phần đất đã cho anh xây nhà và sử dụng từ 2010 đến nay; sau đó còn làm thủ tục bán cho Chị H nhưng không nói gì với anh. Vợ chồng anh có nguyện vọng

được sử dụng đất 200m^2 đất mà vợ chồng ông C đã cho; Chị H phải có trách nhiệm tách trả anh phần đất này.

Nay Chị H khởi kiện buộc anh trả lại diện tích đất anh đang sử dụng được vợ chồng ông C cho và xây nhà trước khi bà Trần Thị P1 bán cho Chị H là vô lý anh không đồng ý.

Tại đơn phản tố ngày 04 tháng 02 năm 2021 Anh T trình bày:

Anh có bác ruột là Nguyễn Văn C, sinh năm 1937; trước đây ông C lấy vợ cả là bà Nguyễn Thị H nhưng không có con chung. Năm 1993 bà H chết không để lại di chúc. Sau đó, ông C lấy bà hai là Trần Thị P1 cũng không có con chung. Năm 2013 ông C chết không để lại di chúc.

Gần đây anh biết bà Trần Thị P1 tự động làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà P1, không được sự đồng ý của gia đình ông C rồi bán lại cho chị Nguyễn Thị H đi ở chỗ khác. Chị H không phải là con của ông C, bà P1 nên khi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải lập hợp đồng mua bán.

Nay bà P1 lại cấu kết với Chị H bán hết tài sản của ông C cho người khác nhằm chiếm toàn bộ tài sản của ông C và các đồng thừa kế khác.

Do ông C và bà H và bà Trần Thị P1 không có con nên anh đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông C. Ông C có các anh chị em sau:

- Ông Nguyễn Văn T1(đã chết) có các con gồm anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th1.

- Ông Nguyễn Văn T4(đã chết) có các con: Anh (Nguyễn Văn T), Nguyễn Đức Tr, Nguyễn Thị O.

- Các em gái gồm: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Th2, bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị Th3.

Do bố anh là Nguyễn Văn T4 chết nên các con của ông T4 thừa kế thế vị tài sản thay bố anh đối với phần di sản thừa kế của ông C.

Bà Trần Thị P1 tự ý bỏ tất cả những người thừa kế khác để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên riêng bà P1, sau đó lập hợp đồng mua bán chuyển nhượng cho Chị H là trái với pháp luật. Bà Trần Thị P1 không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản của ông C.

Đề nghị Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị P1 và đứng tên chị Nguyễn Thị H do hợp đồng chuyển nhượng trái pháp luật; chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C cho các đồng thừa kế là các anh em ruột của ông C.

Tại phiên tòa sơ thẩm Anh T rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế tài sản của ông C và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị P1 và Chị H

Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm Anh T có ý kiến đề nghị bà Trần Thị P1, Chị H phải có trách nhiệm tách phần đất có chiều rộng Bắc Nam là 10m, chiều

dài Đông Tây dài hết thổ, tổng khoảng gần 400m^2 mà khi ông C còn sống đã cho anh. Năm 2012 anh đã xây dựng công trình nhà và sử dụng một phần đất để làm ngõ đi sân vườn tổng 87m^2 để anh đứng tên theo quy định pháp luật. Lý do vì ông C không có con cái ruột, Chị H không phải con ruột ông C, anh là cháu ruột ông C sẽ có trách nhiệm thờ cúng ông C. Hiện nay Chị H đi lấy chồng không ở trên đất, mà có ý định bán đề nghị Tòa án xem xét cho quyền lợi của anh.

Do ông C khi còn sống tuyên bố cho đất anh, anh mới xây nhà và sử dụng từ năm 2012; cuối 2013 ông C chết chưa kịp làm thủ tục sang nên anh không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án, nhưng việc ông C cho đất và anh sử dụng xây nhà cho đến nay bà con trong xóm đều biết. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh theo di nguyện của bác ruột anh là ông C.

* Tại bản tự khai ngày 19-02-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 vào ngày 24-9-1993. Trong thời gian chung sống không có con chung, nên nhận chị Nguyễn Thị H làm con nuôi có đăng ký khai sinh tại UBND xã H1 và đăng ký nhập hộ khẩu cùng vợ chồng bà, nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định pháp luật.

Năm 1999 hộ gia đình bà được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 05 thửa đất trong đó có thửa đất số 48, do ông C là chủ hộ nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên "Hộ ông Nguyễn Văn C". Năm 2013 ông C chết không để lại di chúc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005 thì di sản của ông C để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

Do ông C và bà nhận Chị H làm con nuôi nhưng không làm thủ tục pháp lý theo quy định. Vì vậy, khi chia thừa kế bà là người thừa kế hợp pháp, duy nhất và được quyền thừa hưởng toàn bộ di sản của ông C để lại, Chị H cũng nhất trí việc bà là người thừa kế duy nhất của ông C. Sau khi, bà được thừa kế và đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 48, ngày 13-8-2019 bà chuyển nhượng lại cho Chị H theo quy định của pháp luật và Chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh T đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà, sau đó bà chuyển nhượng cho Chị H 842m^2 đất tại thửa số 48 là thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà và Chị H. Bà đề nghị bác yêu cầu của Anh T, buộc Anh T phải xin lỗi, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà và Chị H để quyền lợi của người sử dụng đất được đảm bảo.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 114/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 244 BLTTDS; Điều 166; Điều 170; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất Đai 2013; Điều 174; Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 87m^2 đất CLN thuộc một phần thửa đất số số 48, tờ bản đồ số 14 trong phạm vi các mốc (3,4,5,6,7,8,3) diện tích 87m^2 đất CLN tại xóm 3, xã H1 huyện H, tỉnh Nam Định.

Anh T có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 87m^2 đất theo quyết định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đến cơ quan nhà nước xác lập thủ tục đăng ký, kê khai, điều chỉnh diện tích đất sử dụng thực tế còn lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Độ dài các cạnh, vị trí, diện tích từng loại đất cụ thể các đương sự được quyền sử dụng ở trên có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T về "chia di sản thừa kế của ông C và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" diện tích 842m^2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14, xóm 3 xã H1 do Sở Tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-9-2021 anh Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo cho Tòa án huyện H với nội dung anh không nhất trí với bản án sơ thẩm với lý do công nhận quyền sử dụng 87m^2 thửa 48 đứng tên Chị H là không đúng vì khi ông C còn sống đã cho anh 10 mét chiều rộng, chiều dài hết thổ. Đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định xem xét giải quyết lại bảo đảm quyền lợi cho anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày khi ông C còn sống đã hứa cho anh diện tích đất để làm nhà chung và nhà ở có chiều rộng 10m, chiều dài hết thổ đất diện tích khoảng 200m^2. Anh đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị P1 và Chị H phải cắt cho anh 200m^2 đất theo ý nguyện của ông C.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị không nhất trí với kháng cáo của Anh T, khi ông C còn sống chị không nghe thấy ông C nói cho đất Anh T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Trần Thị P1 trình bày: Khi ông C còn sống không bao giờ ông C nói cho đất Anh T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng,

quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh T

đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T:

[1] Ông Nguyễn Văn C có 02 vợ; vợ cả là bà Nguyễn Thị H không có con chung chết tháng 6 năm 1993 không để lại di chúc. Ngày 24 tháng 9 năm 1993 ông C kết hôn với bà Trần Thị P1 quá trình chung sống ông C và bà P1 không có con chung. Năm 1999 ông C và bà P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 48 tờ bản đồ số 14 diện tích là 1305m^2 trong đó đất ở 260m^2, ao 265m^2, đất vườn tạp 660m^2, đất hai lúa 120m^2 đứng tên hộ ông C.

[2] Căn cứ vào mục những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông C, thì năm 2010 ông C tặng cho ông Phạm Văn Đ 463m^2 đất trong đó đất LUC (đất lúa) là 120m^2, đất CLN (đất trồng cây lâu năm) là 343m^2 thuộc thửa 48 nên diện tích đất còn lại của hộ ông C là 842m^2 trong đó đất ở là 260m^2, ao 265m^2, đất vườn tạp 317m^2.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Anh T đều trình bày khi ông C còn sống đã tặng cho đất anh nhưng Anh T không có tài liệu chứng cứ chứng minh, còn ông C đã chết không để lại di chúc, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị P1 không thừa nhận có việc tặng cho đất Anh T nên không có căn cứ buộc bà P1 và Chị H phải tách cho Anh T phần đất có chiều rộng Bắc Nam là 10m, chiều dài Đông Tây dài hết thổ đất.

[4] Quá trình chung sống ông C và bà P1 không có con chung nên đã nhận Chị H là con nuôi; ông C và bà P1 đã đứng tên khai sinh cho Chị H và nhập hộ khẩu Chị H vào cùng hộ khẩu của vợ chồng ông C bà P1, nhưng ông C và bà P1 không làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền về việc nhận con nuôi. Năm 2013 ông C chết không để lại di chúc. Bố ông C là cụ Nguyễn Văn Ch chết năm 1974; cụ Ch có hai vợ; vợ cả là cụ Nguyễn Thị H2 chết năm 1949; vợ hai là cụ Kim Thị Ng chết năm 1998 đều chết trước ông C; quá trình giải quyết vụ án Chị H đều từ chối nhận di sản của ông C, do vậy bà Trần Thị P1 là người được thừa kế toàn bộ di sản của ông C như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[5] Ngày 13-3-2017 bà Trần Thị P1 được công nhận thừa kế thửa đất số 48 diện tích là 842m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 11-7-2019 bà Trần Thị P1 chuyển nhượng cho Chị H thửa đất số 48 và ngày 13-8-2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chị H.

[6] Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 07-12-2020 thửa đất 48 có diện tích là 842m^2 đất phù hợp với diện tích bà Trần Thị P1 được thừa kế và chuyển nhượng cho Chị H. Tuy nhiên, vợ chồng Anh T đã xây dựng nhà 02 tầng kiên cố diện tích

mặt sàn là 73,14m^2 trên 842m^2 mà Chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm Chị H đều tự nguyện nhất trí tách cho Anh T 87m^2 trong đó có cả diện tích Anh T đã xây dựng nhà hai tầng có vị trí tại phía Đông thửa đất của Chị H được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,7,8,3 và không yêu cầu Anh T phải thanh toán bất cứ khoản tiền gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Chị H và vợ chồng Anh T được quyền quản lý sử dụng 87m^2 đất này thuộc thửa 48 tờ bản đồ số 14 tại xã H1, huyện H.

[8] Diện tích đất còn lại của thửa 48 là 842m^2 - 87m^2 = 755m^2 đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Chị H được giới hạn bởi các điểm 3,8,9,10,11,1,2,3.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật Đất Đai 2013; Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H tách cho anh Nguyễn Văn T 87m^2 đất CLN thuộc một phần thửa đất số 48 tờ bản đồ số 14 địa chỉ tại: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị (bà) Nguyễn Thị H ngày 13-8-2019.

4. Xác định anh Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng 87m^2 đất CLN Chị H tách cho thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14; địa chỉ tại: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị (bà) Nguyễn Thị H ngày 13-8-2019.

Có vị trí phía Bắc giáp thửa đất số 39 được nối bởi các điểm 3, 4; phía Đông giáp đất bà Hợi và giáp đất ông T4được nối bởi các điểm 4, 5, 6, 7; phía Nam giáp đường bê tông được nối bởi các điểm 7, 8; phía Tây giáp đất Chị H được nối bởi các điểm 8, 3. Chiều dài các cạnh của 87m^2 đất được ghi tại sơ đồ kèm theo bản án.

Anh T có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích nêu trên theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

5. Chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng 755m^2 đất thuộc thửa đất số 48 tờ bản đồ số 14; địa chỉ tại: Xóm 3, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị (bà) Nguyễn Thị H ngày 13-8-2019.

Có vị trí phía Bắc giáp thửa đất số 39 và thửa đất số 40 được nối bởi các điểm 3, 2, 1; phía Đông giáp đất Anh T được quyền quản lý, sử dụng được nối bởi các điểm 3, 8; phía Nam giáp đường bê tông và giáp thửa đất số 49 được nối bởi các điểm 8, 9, 10, 11; phía Tây giáp đất ông Đảng (thửa đất 307) được nối bởi các điểm 11, 1. Chiều dài các cạnh của 755m^2 đất được ghi tại sơ đồ kèm theo bản án.

Chị H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất theo quyết định của bản án và theo quy định pháp luật.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải nộp là 300.000đồng nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Anh T đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0002734 ngày 17-9-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng Lại Văn Tùng Vũ Thị Thu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H1;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu